

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 5 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.
2/ Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 206/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị P, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp ÔQ, xã T, huyện TH, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Thanh A, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp ÔQ, xã T, huyện TH, tỉnh Long An.

(*Bà P có mặt, ông A vắng mặt không có lý do đã được triệu tập hợp lệ*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị P yêu cầu khởi kiện: Bà P và ông Vũ Thanh A tự tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TH, tỉnh Long An năm 2011. Quá trình chung sống, vợ chồng bà P sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A không chung thủy, ông A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài, bỏ bê vợ con không quan tâm chăm sóc. Khi bà P phát hiện đã khuyên ngăn và cho ông A nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng ông A không những không sửa đổi mà ngược lại còn đánh đập bà P, bỏ

mẹ con bà để đi chung sống với người phụ nữ đó. Bà P và ông A đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2020 đến nay không hàn gắn lại được.

Nay bà P thấy rằng, do ông A không còn thương bà P nữa, vợ chồng đã ly thân nhau đã hơn 01 (một) năm nay nên tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Thanh A.

- Về con chung: Bà P và ông A chung sống có 03 con chung tên Vũ Thanh H, sinh ngày 11/10/2009; Giới tính: Nam; Vũ Thanh N, sinh ngày 20/12/2012; giới tính: Nam và Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 22/10/2015; giới tính: Nữ. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, các con chung do bà P nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Bà P xác định có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Bà P cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Vũ Thanh A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông A các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông A không gửi văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, đồng thời ông A cũng không hợp tác và không đến để giải quyết vụ án theo lịch triệu tập của Tòa án, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông A đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Chứng cứ do bà Võ Thị P cung cấp: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà Võ Thị P và ông Vũ Thanh A (bản chính); Giấy khai sinh của các cháu Vũ Thanh H, Vũ Thanh N và Vũ Thị Thanh T (bản sao); Bản tự khai của cháu H, cháu N.

- Chứng cứ do ông Vũ Thanh A cung cấp: Không có.

- Chứng cứ do Tòa án thu thập: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị P và ông Vũ Thanh A chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TH, tỉnh Long An theo quy định của pháp luật.

- Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến bà P yêu cầu ly hôn ông A theo bà P là do ông A không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài, bỏ mặc vợ con không quan tâm chăm sóc. Bà P cũng nhiều lần khuyên ngăn và cho ông A cơ hội nhưng ông A vẫn không những không sửa đổi mà ngược lại còn đánh đập bà P, bỏ mẹ con bà Phụng để đi chung sống với người phụ nữ đó. Bà P và ông A đã ly thân nhau từ tháng 4/2020 đến nay không hàn gắn lại được.

- Về con chung: Bà P và ông A chung sống có 03 con chung tên Vũ Thanh H, sinh ngày 11/10/2009; Giới tính: Nam; Vũ Thanh N, sinh ngày 20/12/2012; giới tính: Nam và Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 22/10/2015; giới tính: Nữ. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, các con chung do bà P nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng.

- Về sản chung: Bà P xác định có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông A không có ý kiến hay yêu cầu tranh chấp gì.

- Về nợ chung: Bà P cam kết không có, ông A không có ý kiến hay yêu cầu tranh chấp gì.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông A nhưng ông A không đến Tòa án theo lịch triệu tập của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án do ông Vũ Thanh A không hợp tác; không cung cấp ý kiến, lời khai; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào ý kiến, yêu cầu khởi kiện; tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp để làm căn cứ xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Võ Thị P và ông Vũ Thanh A chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TH, tỉnh Long An, nên hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông A đang cư trú tại huyện TH, tỉnh Long An. Bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông A, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đối với ông A: Do ông A vắng mặt nên Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông A.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P:

[4.1] Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng bà P sống không hạnh phúc và ly hôn theo bà P trình bày là do ông Vũ Thanh A không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bỏ mặc vợ con không quan tâm chăm sóc. Ông A không còn thương yêu bà P nữa. Qua lời khai của bà P cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà P và ông A là có thật đúng như lời bà P trình bày. Trong quá trình chung sống, ông A đã không chung thủy, bỏ mặc vợ con không quan tâm, giúp đỡ là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm giữa bà P và ông A, ông A đều vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy ông A bỏ mặc không quan tâm đến hạnh phúc giữa ông và bà P và cũng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà P với ông A lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn Nhân và Gia đình.

[4.2] Về con chung: Bà P và ông A chung sống có 03 con chung tên Vũ Thanh H, sinh ngày 11/10/2009; Giới tính: Nam; Vũ Thanh N, sinh ngày 20/12/2012; giới tính: Nam và Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 22/10/2015; giới tính: N. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, các con chung do bà P nuôi dưỡng. Khi ly

hôn, bà P yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung không yêu cầu ông A cấp dưỡng. Thấy rằng, các con chung của bà P và ông A từ khi sinh ra đến trước khi ly thân do vợ chồng ông A và bà P cùng nhau chăm sóc. Từ khi ly thân (tháng 4/2020) đến nay, các con chung do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Các con chung của bà P và ông A do bà P nuôi dưỡng phát triển tốt, đảm bảo được đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các cháu về mọi mặt, bà P xác định bà có thu nhập đủ khả năng để nuôi các con, ngoài ra còn có sự hỗ trợ từ bà nội của các cháu nên khi nuôi con bà không yêu cầu ông A cấp dưỡng. Các con chung của bà P và ông A còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ, bà P là nữ nên việc nuôi dưỡng con sẽ tốt hơn ông A. Ngoài ra, con chung là các cháu Vũ Thanh H và Vũ Thanh N có nguyện vọng ở với bà P khi bà P và ông A ly hôn. Mặt khác, một trong những nguyên nhân mà bà P yêu cầu ly hôn ông A là ông A không quan tâm chăm lo cho vợ con. Do đó, để tránh cuộc sống của các cháu bị xáo trộn và để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là các cháu Vũ Thanh H, Vũ Thanh N và Vũ Thị Thanh T cho bà P nuôi là đảm bảo quyền lợi cho các cháu về mọi mặt, ổn định điều kiện ăn ở, học tập, chăm sóc sức khỏe, giới tính, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, tuy nhiên do bà Phượng xác định bà đi làm công nhân có thu nhập ổn định, đủ khả năng để nuôi các con chung của bà và ông A nên bà P không yêu cầu ông A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[4.3] Về chia tài sản chung: Bà P xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông A không có ý kiến yêu cầu hay tranh chấp gì do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[4.4] Về nợ chung: Bà P cam kết không có, ông A không có ý kiến hay yêu cầu tranh chấp gì do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 20 Luật phí, lệ phí; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của bà Võ Thị P đối với ông Vũ Thanh A.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị P được ly hôn với ông Vũ Thanh A.

2. Về con chung: Bà Võ Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Vũ Thanh H, sinh ngày 11/10/2009; Giới tính: Nam; Vũ Thanh N, sinh ngày 20/12/2012; giới tính: Nam và Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 22/10/2015; giới tính: Nữ; ông Vũ Thanh A không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Võ Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà P đã nộp theo biên lai thu số 0003582 ngày 03/12/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa sang án phí để thi hành (bà P đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bà Võ Thị P có mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Vũ Thanh A vắng mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Công tác thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đình Ngân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thành Trung – Nguyễn Thị Thanh Vân

Phan Đình Ngân